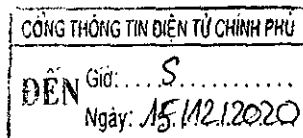


Số: 24 /2020/QĐ-UBND

Phú Thọ, ngày 14 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa
khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích
phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ**



ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Trồng trọt ngày 19 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của
Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày
11 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số
35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính Phủ về quản lý, sử dụng
đất trồng lúa; Nghị định số 94/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 12 năm 2019 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật trồng trọt về giống cây trồng
và canh tác;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 01 năm 2016 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số
35/2015/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2015 của Chính Phủ về quản lý, sử dụng
đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 04/2020/NQ-HĐND ngày 15 tháng 7 năm 2020 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định về thu tiền bảo vệ, phát triển đất
trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi
nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định về mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất
chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn
tỉnh Phú Thọ.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân nước ngoài có liên quan đến quản lý, sử dụng đất trồng lúa được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp.

Điều 2. Quy định mức thu và thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp

1. Mức thu nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp

Các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước, tổ chức, cá nhân người nước ngoài được nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp từ đất chuyên trồng lúa nước phải thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai và phải nộp một khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa. Khoản tiền để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa phải nộp được xác định bằng 50% số tiền được xác định theo diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải chuyển sang đất phi nông nghiệp nhân với giá của loại đất trồng lúa tính theo bảng giá đất tại thời điểm chuyển mục đích sử dụng đất.

2. Thời hạn nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp

Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cơ quan tài chính địa phương (Sở Tài chính và Phòng Tài chính - Kế hoạch) ký ban hành thông báo số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa; người được nhà nước giao đất, cho thuê đất có trách nhiệm nộp đủ số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa nêu trên vào ngân sách cấp tỉnh tại Kho bạc nhà nước theo Tài khoản: 7111; Tiểu mục: 4914. Quá thời hạn nêu trên, người được nhà nước giao đất, cho thuê đất sẽ phải nộp thêm tiền chậm nộp theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 3. Quản lý và sử dụng số tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp

Nguồn kinh phí thu được theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Quyết định này và nguồn kinh phí được hỗ trợ theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ được sử dụng để thực hiện bảo vệ, phát triển đất trồng lúa.

Địa phương sử dụng kinh phí hỗ trợ từ tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại khoản 4 Điều 1 Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ.

Đối với các trường hợp Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước để sử dụng vào mục đích phi nông

nghiệp đã được Cục Thuế tỉnh thông báo số tiền phải nộp để bảo vệ, phát triển đất trồng lúa từ ngày 01/9/2019 được thực hiện theo quy định tại Quyết định này.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính

a) Căn cứ hồ sơ do các cơ quan, tổ chức gửi và văn bản xác nhận diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền của Sở Tài nguyên và Môi trường chuyển đến để xác định, thông báo và thu tiền bảo vệ và phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp theo quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ và sử dụng nguồn thu theo quy định tại Điều 3 của Quyết định này.

c) Phối hợp với Kho bạc nhà nước tỉnh để theo dõi, quản lý số tiền thu được theo quy định. Trường hợp chưa nộp đủ thực hiện đơn đốc và có báo cáo tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh có biện pháp giải quyết kịp thời.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh dự kiến phân bổ các chỉ tiêu sử dụng đất chuyên trồng lúa nước cấp tỉnh đến từng đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó xác định rõ nhu cầu sử dụng đất từ đất chuyên trồng lúa nước, diện tích đất chuyên trồng lúa nước chuyển mục đích sử dụng. Đồng thời thực hiện tổ chức đo đạc, lập bản đồ các vùng chuyên trồng lúa nước có năng suất chất lượng cao, xây dựng cơ sở dữ liệu đất trồng lúa.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thẩm định, có văn bản xác định cụ thể vị trí, diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định, gửi Sở Tài chính trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thu hồi đất cho nhà đầu tư.

c) Hằng năm tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các Sở, ngành có liên quan thanh tra, kiểm tra việc quản lý và sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh.

đ) Hằng năm chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu điều tra cơ bản về đất nông nghiệp và cơ sở dữ liệu thống kê, kiểm kê đất nông nghiệp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xác định các loại cây trồng hằng năm, cây lâu năm hoặc

loại thủy sản phù hợp cho chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại địa phương theo quy định.

b) Chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của tỉnh. Hằng năm tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của tỉnh

c) Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xác định cụ thể vị trí, diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định, gửi Sở Tài chính trước khi trình Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định thu hồi đất cho nhà đầu tư.

d) Phối hợp với Sở Tài chính trình Ủy ban nhân dân tỉnh phân bổ và sử dụng nguồn thu theo quy định tại Điều 3 của Quyết định này.

4. Kho bạc Nhà nước các cấp

a) Hướng dẫn người được nhà nước giao đất, cho thuê đất nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo thông báo của cơ quan Tài chính.

b) Trao đổi thông tin nghĩa vụ nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của cá nhân, tổ chức với cơ quan tài chính địa phương để kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

5. Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Tổ chức công bố công khai và quản lý chặt chẽ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa của địa phương đã được xét duyệt; phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất chuyên trồng lúa nước cho các xã, phường, thị trấn để làm cơ sở xác định ranh giới lập bản đồ xác định diện tích đất trồng lúa cần bảo vệ nghiêm ngặt..

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bảo vệ diện tích, chỉ giới, chất lượng đất trồng lúa theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trồng lúa đã được phê duyệt.

c) Hằng năm báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về tình hình quản lý và sử dụng đất trồng lúa của địa phương.

d) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức cắm biển báo khu vực đất chuyên trồng lúa nước cần bảo vệ sau khi quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, cấp xã được duyệt.

đ) Lập và ban hành kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của cấp huyện trên cơ sở kế hoạch chuyển đổi của cấp tỉnh. Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại địa bàn huyện. Định kỳ trước ngày 15 tháng 12 hằng năm, tổng hợp kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn).

e) Chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường xác định cụ thể vị trí, diện tích đất chuyên trồng lúa nước phải nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa của hộ gia đình, cá nhân theo quy định; gửi Phòng Tài chính – Kế hoạch trước khi trình Ủy ban nhân dân cùng cấp ra quyết định thu hồi đất cho nhà đầu tư.

g) Chỉ đạo Phòng Tài chính - Kế hoạch căn cứ kê khai của hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất và văn bản của Phòng Tài nguyên và Môi trường chuyển đến để xác định và thông báo khoản tiền bảo vệ phát triển đất trồng lúa nộp vào ngân sách tỉnh theo quy định.

6. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa cấp xã theo Mẫu số 03/CD Phụ lục X ban hành kèm theo Nghị định số 94/2019/NĐ-CP của Chính phủ; Tổ chức lấy ý kiến của hộ gia đình, cá nhân có liên quan trong việc xác định vùng chuyển đổi; thông báo công khai kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã vào quý IV của năm trước liền kề trong thời hạn 60 ngày.

b) Tiếp nhận, xử lý Bản đăng ký chuyển đổi; lập sổ theo dõi chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa.

c) Tuyên truyền, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn.

d) Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, tổng hợp kết quả chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa theo mẫu tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Nghị định số 62/2019/NĐ-CP của Chính phủ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện.

7. Người sử dụng đất

Thực hiện kê khai và nộp đầy đủ, đúng thời hạn số tiền bảo vệ phát triển đất lúa vào Kho bạc Nhà nước theo quy định này và các quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính Phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

Quyết định có hiệu lực từ ngày 25/12/2020 và thay thế Quyết định số 29/2016/QĐ-UBND ngày 19/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Thọ quy định mức thu tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa khi chuyển đất chuyên trồng lúa nước sang sử dụng vào mục đích phi nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Phú Thọ.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kho bạc nhà nước tỉnh, Cục Thuế tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan căn cứ Quyết định thực hiện.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Website Chính phủ;
- Vụ Pháp chế (Bộ Tài chính);
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TTTU, TTHĐND, UBMTTQ tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thành, thị;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm Công báo – Tin học;
- CV: NCTH;
- Lưu: VT, TH2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phan Trọng Tấn